

CHÙA THIÊN ĐỨC VÀ THÁP THIÊN SƯ THIỆT LƯƠNG

Thích Đồng Dưỡng

Chùa Thiên Đức tọa lạc trên đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, thành phố Hội An. Chùa do nhà thờ tộc Đinh quản lý. Ở Quảng Nam chỉ có một ngôi chùa này mới do tộc họ quản lý, hầu hết các chùa trong tỉnh đều thuộc sự quản lý của Giáo Hội. Từ ngoài đường nhìn vào, khách sẽ không biết đây là một ngôi chùa. Bởi vì, chùa làm theo kiểu xưa, thấp, nhỏ, phía trước có bóng cây che phủ và không có cổng tam quan như các ngôi chùa khác trong tỉnh.

Đi từ ngoài vào, đập vào mắt ta là một bức hoành khắc ba chữ chân phương lớn “Phổ Tuyền Am: 溥泉庵”. Lạc khoản đề: “Vĩnh Khánh ngũ niên tứ nguyệt sơ nhật nhật cát lập” tức ngày mùng 2 tháng 4 năm Vĩnh Khánh 5 lập. Lạc khoản bên phải ghi: “Quý Sửu niên kỷ nguyệt sửu nhật thượng lương” tức

ngày sửu tháng kỷ năm Quý Sửu thượng lương. Xung quanh đường viên không có trang trí họa tiết hoa văn. Đường viên phía dưới khắc số 1732. Có thể người sau khắc năm lập bức hoành chăng? Lí giải từng lạc khoản, chúng ta sẽ có nhiều thông tin bổ ích trong việc đưa ra năm lập chùa.

Đầu tiên, xét lạc khoản bên trái có ghi rõ niên hiệu là năm Vĩnh Khánh thứ 5. Tra vào quyển *Niên biểu Việt nam*, niên hiệu Vĩnh Khánh chỉ kéo dài trong ba năm, từ năm 1729 đến năm 1731. Vĩnh Khánh thứ năm trong lịch sử thì đã đổi sang một niên hiệu mới. Thông thường, giai đoạn Trịnh Nguyễn phân tranh, Đàng Trong thường không cập nhật thông tin từ Bắc Hà. Các chúa Nguyễn vẫn sử dụng niên hiệu các vua Lê nhưng khi ngoài Bắc đổi niên hiệu thì Nam Hà chưa kịp nhận thông tin nên trong việc ghi niên hiệu bị chệch đi. Trường hợp bức hoành chùa Thiên Đức cũng như thế. Do đó, chúng ta tính tiếp thêm hai năm thì năm Vĩnh Khánh thứ 5 là năm 1733. Năm 1733 đúng là thuộc niên hiệu Long Đức thứ 2.



Tại lạc khoản phía tay mặt đề ngày tháng năm thượng lương. Bức hoành đề là năm Quý Sửu. Tra vào *Niên biểu Việt Nam* và kết hợp niên hiệu, chúng ta biết năm Quý Sửu là năm 1733. Năm này chính là năm Vĩnh Khánh thứ 5 mà bức hoành ghi lại trên lạc khoản bên trái. Qua hai thông tin từ lạc khoản bức hoành, ngày sừ tháng kỷ năm Quý Sửu thì cho thượng lương dựng am Phổ Tuyền và cũng chính năm này người ta đã lập một bức hoành để treo làm kỷ niệm nhân sự kiện quan trọng đó. Người sau đề 1732 là sai. Qua đây, chúng ta có một cứ liệu quan trọng cho biết tiền thân chùa Thiên Đức là am Phổ Tuyền.

Qua cửa chính là đến phần chánh điện. Ở gian giữa có một bức hoành với hai đại tự là Thiên Đức: 天德 Lạc khoản bên trái đề: “Tuế thứ Tân Mão quý xuân cát đán”, bên phải đề: “Long Phi Mậu Thân trọng hạ Đinh Lộc An trùng tu phụng cúng, mộc ân đệ tử Nghệ Sĩ thành kính lập”. Năm làm bức hoành là năm Tân Mão (1831) do đệ tử Nghệ Sĩ kính lập. Sau đó, đến năm Mậu Thân (1848), ông Đinh Lộc An đứng ra trùng tu ngôi chùa và khắc tiếp một dòng chữ vào bức hoành cũ nên dòng chữ đó có kích cỡ nhỏ hơn dòng lạc khoản hai bên. Một cây xà cò ở tiền đường có đề dòng chữ Hán như sau: “Tự Đức thập niên Đinh Ty quý thu cát nhật Đinh Quảng Sỹ, Đinh Quảng Huỳnh đồng trùng tu”. Nghĩa là hai ông Đinh Quảng Sỹ, Đinh Quảng Huỳnh



cùng trùng tu vào ngày lành cuối thu năm Đinh Ty niên hiệu Tự Đức thứ 10 (1857). Còn một cây xà cò trong gian hậu điện có ghi: “Thành Thái thập nhất niên Kỷ Hợi trọng thu cát đán huyền tôn Đinh Hoài Minh trùng tu”. Nghĩa là chất Đinh Hoài Minh trùng tu vào ngày lành giữa thu năm Kỷ Hợi niên hiệu Thành Thái thứ 11 (1899). Hai bức hoành, hai câu đối treo hai bên gian thờ đều đề năm Bảo Đại Tân Mùi tức năm 1931, có thể trong năm này chùa lại được trùng tu. Mãi đến tiết Thanh Minh năm Nhâm Tý (1972), Đinh Văn Vĩnh tự Trường Phong mới đứng ra trùng tu lần nữa¹.

Qua các đợt trùng tu, chúng ta vẫn thấy ngôi chùa có một vẻ đẹp cổ kính theo kiến trúc Á Đông. Chùa làm theo mô hình nhà rường Quảng Nam ba gian hai chái, gian giữa có một khám thờ Phật, giữa khám để tôn tượng đức Phật Di Đà ngôi theo thể liên hoa, phía dưới có tượng Quan Âm thủ quyển, đức Phật

¹ Ông Đinh Văn Vĩnh năm 1931 có cúng cho chùa bức hoành “Nam hải từ phạm” và trên cây đòn tay gần cây xà cò cũ ở hậu điện có đề ông Vĩnh đứng trùng tu chùa năm 1972.

đần sinh cỡ nhỏ, và một số tượng thánh. Gian trái có một khám, bên trong có bức biển gỗ thờ hai vị thiền sư là Thiệt Lương và Hải Lương Chí Trạm. Thiền sư Thiệt Lương thuộc đời chính tông Lâm Tế thứ 35, khai sơn Đỉnh Môn. Còn vị kia thấy đề “Khai sơn viên tịch sa di pháp danh Hải Lương hiệu Chí Trạm giác linh”. Không biết vị Hải Lương khai sơn chùa nào và vị này mới thọ giới sa di. Thiền sư Thiệt Lương khai sơn Đỉnh Môn tức ngôi chùa Thiên Đức vậy. Về thiền sư Thiệt Lương, chúng tôi sẽ bàn kỹ trong phần ngôi tháp của ngài vẫn còn tại bản tự. Riêng vị Hải Lương thuộc dòng Lâm Tế phái Đột Không Trí Bản. Phái này có sự ảnh hưởng lớn đến Phật Giáo tại Đàng Trong thời các chúa Nguyễn. Có thể hai vị này đều họ Đỉnh?

Gian bên phải đặt một khám thờ và bên trong có bức biển đề: “Phụng vị Tế dương quận Đỉnh tộc đường thượng lịch đại tông thân”, tức phụng thờ tiên tổ tộc Đỉnh. Khoảng phía sau tượng Phật là đóng vách ngăn, chia làm mặt trước, mặt sau. Phía mặt sau có ba bàn thờ, bàn giữa thờ đức Địa Tạng Bồ Tát,



có tượng thần thổ địa. Theo một vị trông chùa cho biết, tượng thổ địa nguyên thờ phía trước cửa bên phải. Do bị mất trộm tượng Hộ Pháp phía trái nên mang vào phối thờ phía sau. Hai bên là bàn linh thờ các hương linh trong tộc Đỉnh. Các khám thờ và bàn thờ ở đây được làm bằng chất liệu gỗ, sơn son thếp vàng, trang trí hoa văn khá đẹp. Các bức phù điêu trạm trổ công phu mang phong cách mỹ thuật triều Nguyễn. Chùa còn có một tấm mộc bản khắc tượng Quan Âm trông rất uy nghiêm, tiếc rằng bộ mộc bản tượng Quan Âm thiếu phần dưới.

Phía trước mé phải chùa có miếu Ngũ Hành, theo tục thờ mẫu ở các chùa thuộc tỉnh miền trung. Phía sau miếu có một ngôi tháp khá xưa, làm bằng chất liệu vôi. Ngôi tháp có hai tầng, trên đỉnh tháp có một búp sen. Nếu tính luôn thì tháp có ba tầng. Ngôi tháp làm theo kiểu bát giác, truyền thống của các tháp tổ tại miền trung. Xung quanh có thành bao bọc, phía sau khoảng giữa bức tường thành có xây bình phong hậu đầu cao lên. Phía trước có hai cây trụ cổng. Qua hai cây trụ có một tấm đá phẳng, khắc chữ. Đây chính là tấm bia tháp ghi lại vị thiền sư an táng trong lòng tháp. Văn bia tháp kết cấu theo kiểu xưa, bia không trang trí hoa văn. Phần trên đề hai chữ “Chúc Minh: 囑銘 hàng giữa đề: “嗣濟宗三十五世開山丁門諱實良禪師之塔 - Tự Tế tông tam thập ngũ thế khai sơn Đỉnh môn húy Thiệt Lương thiền sư chi tháp” nghĩa là tháp của thiền sư

húy Thiệt Lương khai sơn Đỉnh môn đời thứ 35 nổi tông Lâm Tế. Lấy hàng giữa làm trung tâm, chúng ta thấy bia có hai hàng đề: “Bạch sa địa Giáp Thân sáng tạo, Thiên Đức tự thụ giới trụ trì”. Nghĩa là năm Giáp Thân sáng tạo nơi đất Bạch Sa, chùa Thiên Đức thụ giới trụ trì. Và hai hàng ngoài sứt xuống có ghi: “Lộc sinh Bính Ngọ, hưởng thọ cửu thập lục tuế; Thời tại Mậu Dần quý thu nguyệt cát nhật lập”. Hai câu sau cho biết niên đại và năm lập tháp của thiền sư.

Từ những cứ liệu niên đại do bức hoành, chúng ta có thể tái lập niên đại thiền sư Thiệt Lương qua tư liệu bia tháp. Lòng bia cho biết, thiền sư sinh năm Bính Ngọ (1666), năm Giáp Thân đến đất Bạch sa lập am tu hành, suy ra năm Giáp thân chính là năm 1704. Năm 1733, thiền sư mới thượng lương tu bổ am tranh đã được bức hoành ghi lại. Ngài thọ 96 tuổi, suy ra ngài viên tịch năm 1761. Trong khi đó, bia được lập năm Mậu Dần (1758), tức bia và tháp được lập khi ngài còn tại thế? Điều đó nghe ra khó mà tin được. Thường người ta có thể lập tháp trước, nhưng chưa có thể lập bia. Vì vậy, ghi tuổi thọ 96 cần có thêm tư liệu để tham khảo làm rõ.² Bia cho biết, thiền sư thọ giới trụ trì chùa Thiên Đức. Ngài bán thế an thiền³ nên chỉ cho thọ giới và được về chùa mình trụ trì. Ngài chỉ có một pháp danh, chứ không có tự, hiệu như các thiền sư khác. Trong sơn môn Chúc Thánh tương truyền rằng, ngài Thiệt Lương là đệ tử của tổ Minh Hải Pháp

² Tình trạng này xuất hiện đối với các tư liệu ghi chép về thiền sư Thiệt Đình Ân Triêm, chùa Phước Lâm-Hội An.

³ Tức ngài đã lập gia đình và sau mới xuất gia tu học.

Bảo (1670-1746), chùa Chúc Thánh. Có thể sư đến xuất gia ở đây rồi xin phép bổn sư cho lập am tu hành gần chùa Tổ để hằng ngày qua tham học với tổ sư. Quả thật, theo địa giới hiện nay, chùa Thiên Đức cách chùa Chúc Thánh vài trăm mét nên sự qua lại rất thuận tiện.

Một vấn đề đặt ra là tên chùa Thiên Đức xuất hiện khi nào. Điều tra thực địa không có một cứ liệu nào xác định rõ năm đặt tên chùa là Thiên Đức, chỉ có thể đặt trong khoảng cách các năm. Vì lúc đầu thiền sư Thiệt Lương lập am Phổ Tuyền. Tên am xuất hiện trên bức hoành vào năm 1733. Tên Thiên Đức xuất hiện trong bia tháp vào năm Mậu Dần (1758). Có lẽ chùa mang tên Thiên Đức nằm trong những năm 40 của thế kỷ XVIII. Còn năm Giáp Thân (1704) chính là năm ngài Thiệt Lương khai sơn lập am tranh để tu trì và dần dần phát triển để tiến hành xây dựng chùa Thiên Đức. Từ đó, ngôi chùa mới chính thức đóng một vai trò không nhỏ trong công tác truyền bá Phật Giáo Quảng Nam. Do không có người kế thừa nên ngôi chùa được con cháu trông nom và đã có nhiều lần các vị trong tông tộc của tổ sư đứng ra tu bổ để Thiên Đức ngày một khang trang.

Hiện nay, chùa Thiên Đức còn bảo tồn khá nhiều hiện vật có giá trị, nhiều tư liệu Hán nôm quý như hoành phi, câu đối, ván khắc. Tiếc rằng, chùa không có lời kinh tiếng kệ, tiếng chuông sớm tối như ngày xưa. Chùa trở thành một ngôi tự đường thờ phụng tổ tiên tộc Đỉnh và do con cháu trong tộc quản lí. Trong giới thiền lưu cũng như đồng bào Phật Tử địa phương ít người biết đến chùa Thiên Đức. Bởi, Chùa đã không còn ý

nghĩa của một ngôi chùa Phật như hiện nay



<http://hoianheritage.net>